**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**2151050284 - LÂM HUỲNH CHẤN NGUYÊN**

**2151050356 - TRẦN MINH QUÂN**

**QUẢN LÝ KHÁCH SẠN**

**TP. HỒ CHÍ MINH, 2024**

**MỤC LỤC**

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 3](#_Toc186029633)

[DANH MỤC HÌNH VẼ 4](#_Toc186029634)

[DANH MỤC BẢNG 5](#_Toc186029635)

[Chương 1. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI 6](#_Toc186029636)

[1.1. Giới thiệu 6](#_Toc186029637)

[1.2. Phân tích yêu cầu 6](#_Toc186029638)

[1.2.1. Lược đồ use case 6](#_Toc186029639)

[1.2.2. Đặc tả use case 7](#_Toc186029640)

[Chương 2. THIẾT KẾ HỆ THỐNG 10](#_Toc186029641)

[2.1. Kiến trúc hệ thống 10](#_Toc186029642)

[2.2. Sơ đồ lớp 10](#_Toc186029643)

[2.3. Sơ đồ hoạt động 10](#_Toc186029644)

[2.4. Sơ đồ tuần tự 12](#_Toc186029645)

[2.5. Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ 16](#_Toc186029646)

[2.6. Thiết kế giao diện và thiết kế xử lý 21](#_Toc186029647)

[2.6.1. Danh sách các màn hình 21](#_Toc186029648)

[Chương 3. HỆ THỐNG QUẢN LÍ KHÁCH SẠN 31](#_Toc186029649)

[3.1. Kết quả đạt được của đề tài 31](#_Toc186029650)

[3.2. Các chức năng hệ thống 31](#_Toc186029651)

[3.2.1. Đặt phòng online 31](#_Toc186029652)

[3.2.2. Chức năng đăng nhập/đăng ký 33](#_Toc186029653)

[3.2.3. Chức năng xem thống kê 34](#_Toc186029654)

[3.2.4. Chức năng thay đổi quy định 35](#_Toc186029655)

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH VẼ

[Hình 1.2.1. 1: Lược đồ use case 6](#_Toc186030082)

[Hình 2.2. 1: Lược đồ quản lí khách sạn - ClassDiagram 10](#_Toc186030109)

[Hình 2.3. 1. Sơ đồ hoạt động Đăng nhập và Đăng ký 10](#_Toc186030129)

[Hình 2.3. 2. Sơ đồ hoạt động Thống kê báo cáo 11](#_Toc186030130)

[Hình 2.3. 3. Sơ đồ hoạt động Thay đổi quy định 12](#_Toc186030131)

[Hình 2.3. 4. Sơ đồ hoạt động Đặt phòng online 12](#_Toc186030132)

[Hình 2.4. 1. Sơ đồ tuần tự Đăng nhập và Đăng ký 13](#_Toc186030139)

[Hình 2.4. 2. Sơ đồ tuần tự Thống kê báo cáo 14](#_Toc186030140)

[Hình 2.4. 3. Sơ đồ tuần tự Thay đổi quy định 15](#_Toc186030141)

[Hình 2.4. 4. Sơ đồ tuần tự Đặt phòng online 16](#_Toc186030142)

[Hình 2.5. 1. Lược đồ cơ sở dữ liệu 17](#_Toc186030152)

[Hình 2.6.1.1. 1. Thiết kế giao diện trang chủ 23](#_Toc186030207)

[Hình 2.6.1.2. 1. Thiết kế giao diện đăng ký 24](#_Toc186030215)

[Hình 2.6.1.3. 1. Thiết kế giao diện đăng nhập 25](#_Toc186030224)

[Hình 2.6.1.4. 1. Thiết kế giao diện giỏ hàng 26](#_Toc186030230)

[Hình 2.6.1.5. 1. Thiết kế giao diện phiếu đặt phòng online 28](#_Toc186030243)

[Hình 2.6.1.6. 1. Thiết kế giao diện thống kê báo cáo 29](#_Toc186030251)

[Hình 2.6.1.6. 2. Thiết kế giao diện thống kê báo cáo 30](#_Toc186030252)

[Hình 2.6.1.7. 1. Thiết kế giao diện thay đổi quy định 31](#_Toc186030279)

[Hình 3.2.1. 1. Chức năng đặt phòng online 32](#_Toc186030319)

[Hình 3.2.1. 2. Chức năng đặt phòng online 33](#_Toc186030320)

[Hình 3.2.1. 3 Chức năng đặt phòng online 33](#_Toc186030321)

[Hình 3.2.2. 1. Chức năng đăng nhập và đăng ký 34](#_Toc186030341)

[Hình 3.2.2. 2. Chức năng đăng nhập và đăng ký 34](#_Toc186030342)

[Hình 3.2.3. 1. Chức năng xem thống kê 35](#_Toc186030358)

[Hình 3.2.3. 2. Chức năng xem thống kê 35](#_Toc186030359)

[Hình 3.2.4. 1. Chức năng thay đổi quy định 36](#_Toc186030375)

DANH MỤC BẢNG

[Bảng 2.6.1. 1. Danh sách các màn hình 21](#_Toc186031172)

[Bảng 2.6.1.1. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện trang chủ 22](#_Toc186031189)

[Bảng 2.6.1.2. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện đăng ký 23](#_Toc186031195)

[Bảng 2.6.1.3. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện đăng nhập 25](#_Toc186031208)

[Bảng 2.6.1.4. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện giỏ hàng 26](#_Toc186031224)

[Bảng 2.6.1.5. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện phiếu đặt phòng online 27](#_Toc186031232)

[Bảng 2.6.1.6. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện thống kê báo cáo 29](#_Toc186031244)

[Bảng 2.6.1.6. 2. Thiết kế xử lý trên giao diện thống kê báo cáo 30](#_Toc186031245)

[Bảng 2.6.1.7. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện thay đổi quy định 31](#_Toc186031250)

# GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

## Giới thiệu

Đề tài Quản Lý Khách Sạn nhằm xây dựng một hệ thống quản lý các hoạt động từ thuê phòng, đặt phòng, thanh toán, đến các báo cáo và thống kê thay đổi các quy định. Hệ thống được sinh ra nhằm phục vụ nhu cầu đặt phòng trực tuyến hoặc trực tiếp tại quầy, hỗ trợ nhân viên trong việc tra cứu, lập phiếu thuê phòng, thanh toán nhanh chóng tiện lợi. Đồng thời, hệ thống cung cấp cho quản trị viên công cụ để thống kê doanh thu, tần suất sử dụng phòng, và điều chỉnh các qui định liên quan đến phòng và khách hàng. Qua đó, hệ thống sẽ giúp khách sạn hoạt động hiệu quả, chính xác và chuyên nghiệp.

## Phân tích yêu cầu

### Lược đồ use case

Trình bày lược đồ tổng quát use case

A diagram of a network

Description automatically generated

Hình 1.2.1. 1: Lược đồ use case

### Đặc tả use case

#### Đặc tả use case thay đổi quy định

* Mô tả: cho phép người quản trị hệ thống thay đổi số lượng, đơn giá phòng, hệ số các loại khách và số lượng khách tối đa trong phòng.
* Actor chính: Người quản trị
* Actor phụ: không có
* Tiền điều kiện:
  + Khi người sử dụng đăng nhập thành công với vai trò quản trị viên.
* Hậu điều kiện:
  + Hiển thị thông báo thành công khi người dùng cập nhật các quy định.
  + Hiển thị thông báo cập nhật không thành công và cho phép người dùng chỉnh sửa lại nội dung quy định.
* Luồng hoạt động:
  + Bước 1: quản trị viên đăng nhập thành công vào hệ thống
  + Bước 2: hiển thị giao diện các quy định
  + Bước 3: chọn quy định cần thay đổi
  + Bước 4: nhập quy định cần thay đổi
  + Bước 5: nhấn lưu
  + Bước 6: hệ thống hiển thị thành công
  + Bước 7: hệ thống lưu các thay đổi vào cơ sở dữ liệu
  + Bước 8: quay lại giao diện các quy định
* Luồng thay thế:
  + Ở bước 6 nếu hệ thống hiển thị không thành công thì hệ thống sẽ quay lại giao diện các quy định và cho phép sửa các quy định
* Luồng ngoại lệ:
  + Nếu hệ thống có sự cố như mất điện trong lúc người quản trị thay đổi quy định thì dữ liệu sẽ được giữ nguyên như lúc chưa thay đổi.

#### Đặc tả use case xem thống kê

* Mô tả: cho phép người quản trị hệ thống xem được các thống kê như: thống kê báo cáo doanh thu từng tháng được chọn, thống kê tần suất sử dụng các loại phòng theo tháng.
* Actor chính: Người quản trị
* Actor phụ: ChartJs
* Tiền điều kiện:
  + Khi người sử dụng đăng nhập thành công với vai trò quản trị viên.
* Hậu điều kiện:
  + Hiển thị các thống kê báo cáo theo dạng bảng và biểu đồ.
* Luồng hoạt động:
  + Bước 1: quản trị viên đăng nhập thành công vào hệ thống
  + Bước 2: hiển thị giao diện các thống kê báo cáo
  + Bước 3: chọn tháng cần muốn xem thống kê
  + Bước 4: hiển thị biểu đồ báo cáo theo tháng đã chọn
* Luồng thay thế: không
* Luồng ngoại lệ: không

#### Đặc tả use case đăng nhập/đăng ký

* Mô tả: cho phép khách hàng, nhân viên, người quản trị đăng nhập vào hệ thống khi sử dụng.
* Actor chính: Người quản trị, nhân viên, khách hàng
* Actor phụ: không có
* Tiền điều kiện:
  + Khi nút đăng nhập được nhấn
  + Đối với nhân viên hay người quản trị tài khoản sẽ được tạo sẵn và phân quyền
* Hậu điều kiện:
  + Sau khi đăng nhập thành công hệ thống sẽ đưa đến trang theo phân quyền của tài khoản.
* Luồng hoạt động:
  + Bước 1: hệ thống hiển thị trang đăng nhập
  + Bước 2: nhấn vào nút đăng nhập
  + Bước 3: nhập tài khoản và mật khẩu
  + Bước 4: nhấn nút đồng ý
  + Bước 5: hệ thống sẽ chuyển đến trang chủ theo phân quyền của tài khoản
* Luồng thay thế:
  + Ở bước 4 sau khi nhấn nút đồng ý nếu hệ thống không chuyển đến trang chủ mà hiện thông báo tài khoản hoặc mật khẩu không đúng thì lúc đó hệ thống sẽ cho sửa lại tài khoản và mật khẩu.
* Luồng ngoại lệ:
  + Nếu hệ thống xác thực gặp sự cố không thể kiểm tra thông tin đăng nhập do lỗi từ máy chủ. Hệ thống sẽ thông báo cho người dùng rằng hệ thống đăng gặp sự cố và yêu cầu thử lại sau.

#### Đặc tả use case đặt phòng online

* Mô tả: cho phép khách hàng sử dụng hình thức thanh toán trực tuyến khi đặt phòng
* Actor chính: khách hàng
* Actor phụ: VNPay
* Tiền điều kiện:
  + Khi người dùng đăng nhập thành công
  + Khi người dùng nhấn đặt phòng
* Hậu điều kiện:
  + Sau khi thanh toán hệ thống sẽ gửi hoá đơn điện tử về gmail của khách hàng
* Luồng hoạt động:
  + Bước 1: hệ thống hiển thị giao diện thông tin phòng
  + Bước 2: khách hàng tìm kiếm và chọn phòng muốn đặt để thêm vào giỏ hàng
  + Bước 3: Khách hàng sẽ sẽ phải nhập thông tin cần thiết khi đặt phòng. Sau đó nhấn thanh toán
  + Bước 4: Khách hàng xem hóa đơn chọn phương thức thanh toán. Sau đó thanh toán
  + Bước 5: hệ thống sẽ gửi mã giao dịch về gmail
* Luồng thay thế:
  + Ở bước 3 , khách hàng muốn đặt phòng thì phải đăng nhập tài khoản
  + Ở bước 4 nếu người dùng quyết định không tiếp tục thanh toán, người dùng nhất nút “Huỷ” hệ thống sẽ huỷ giao dịch và quay về trang thông tin phòng
* Luồng ngoại lệ:
  + Giao dịch không thể hoàn tất do lỗi hệ thống VNPay hoặc do số dư không đủ. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi, yêu cầu người dùng thử lại hoặc chọn phương thức thanh toán khác
  + Nếu mất kết nối mạng hệ thống sẽ yêu cầu người dùng kiểm tra lại kết nối mạng, sau đó thử thanh toán lại

# THIẾT KẾ HỆ THỐNG

## Kiến trúc hệ thống

## Sơ đồ lớp

A diagram of a diagram

Description automatically generated

Hình 2.2. 1: Lược đồ quản lí khách sạn - ClassDiagram

## Sơ đồ hoạt động

* Đăng nhập/Đăng ký

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.3. 1. Sơ đồ hoạt động Đăng nhập và Đăng ký

* Thống kê/Báo cáo

A diagram of a diagram

Description automatically generated

Hình 2.3. 2. Sơ đồ hoạt động Thống kê báo cáo

* Thay đổi quy định

A diagram of a diagram

Description automatically generated

Hình 2.3. 3. Sơ đồ hoạt động Thay đổi quy định

* Đặt phòng online

A diagram of a diagram

Description automatically generated with medium confidence

Hình 2.3. 4. Sơ đồ hoạt động Đặt phòng online

## Sơ đồ tuần tự

-Đăng nhập/ Đăng ký

A diagram of a project

Description automatically generated with medium confidence

Hình 2.4. 1. Sơ đồ tuần tự Đăng nhập và Đăng ký

* Thống kê báo cáo

A diagram of a project

Description automatically generated

Hình 2.4. 2. Sơ đồ tuần tự Thống kê báo cáo

* Thay đổi quy định

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.4. 3. Sơ đồ tuần tự Thay đổi quy định

* Đặt phòng online

A diagram of a project

Description automatically generated with medium confidence

Hình 2.4. 4. Sơ đồ tuần tự Đặt phòng online

## Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ

Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ.

A computer screen shot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.5. 1. Lược đồ cơ sở dữ liệu

* Mối quan hệ giữa các bảng:
* Bảng ROOM (Phòng)

Có khoá chính ID (Mã phòng).

Có một khoá ngoại #FLOOR\_ID liên kết đến bảng floor, để xác định phòng thuộc tầng nào.

* Bảng POLICY (Quy định)

Có khoá chính ID (Mã quy định).

Có thông tin các quy định như KEY (Tên quy định).

Có thông tin về ngày cập nhật như UPDATE\_AT ( Ngày cập nhật quy định ).

* Bảng STYLE (Kiểu phòng)

Có khoá chính ID (Mã kiểu phòng).

Có các thông tin về loại hình phòng như BALLOT\_TYPE (Kiểu phòng).

* Bảng BOOKING (Thông tin đặt phòng)

Có khoá chính ID (Mã đặt phòng).

Có các khoá ngoại như:

#USER\_ID liên kết với bảng user để xác định khách hàng nào đặt phòng.

#PAYMENT\_METHOD liên kết với bảng PAYMENT\_METHOD để xác định phương thức thanh toán.

#STYLE\_ID liên kết với bảng STYLE để xác định người dùng đặt kiểu phòng nào.

* Bảng BOOKING\_DETAIL

Có khoá chính ID (Mã chi tiết đặt phòng)

Có các khoá ngoại như:

#BOOKING\_ID liên kết đến bảng BOOKINGđể lưu thông tin chi tiết của một đặt phòng.

#ROOM\_ID liên kết đến bảng ROOM để xác định chi tiết các phòng được đặt.

* Bảng COMMENT (Bình luận)

Có khoá chính ID (Mã bình luận)

Có các khoá ngoại như:

#USER\_ID liên kết đến bảng USER để xác định người dùng nào bình luận.

#ROOM\_ID liên kết đến bảng ROOM để xác định phòng bình luận.

* Bảng ROLE (Vai trò)

Có khoá chính ID (Mã vai trò)

Có các thông tin chức vụ như POSTION.

Có các mô tả như DESCRIPTION.

* Bảng ROLE\_USERS

Có hai khoá ngoại:

#USER\_ID liên kết đến bảng USER để xác định vai trò cho người dùng.

#ROLE\_ID liên kết với bảng ROLE để lưu thông tin vai trò người dùng.

* Bảng PAYMENT\_METHOD (Phương thức thanh toán)

Có khoá chính ID (Mã phương thức thanh toán)

Có thông tin về phương thức thanh toán như NAME.

* Bảng FLOOR (Tầng)

Có khoá chính ID (Mã tầng)

Có các thông tin số tầng như NUMBER\_FLOOR.

* Bảng EVALUATION (Đánh giá)

Có khoá chính ID (Mã đánh giá)

Có các khoá ngoại như:

#USER\_ID liên kết đến bảng USER để xác định người dùng đánh giá

#ROOM\_ID liên kết đến bảng ROOM để xác định thông tin phòng đánh giá.

* Bảng USER (Người dùng)

Có khoá chính ID (Mã người dùng)

Có các thông tin như: FULLNAME, PHONE\_NUMBER, USERNAME, PASSWORD, EMAIL, CREATE\_AT, ADDRESS ….

* Thông tin các bảng
  + Bảng ROOM
    - ID: Khoá chính, định danh duy nhất cho phòng.
    - ROOM\_NUMBER (Số phòng): Số hiệu của phòng.
    - PRICE (Giá phòng): Giá thuê phòng.
    - IMAGE (Hình ảnh): Đường dẫn hình ảnh của phòng.
    - STATUS (Trạng thái): Trạng thái hiện tại của phòng.
    - ADDRESS (Địa chỉ): Địa chỉ phòng.
    - DESCRIPTION (Mô tả): Mô tả chi tiết về phòng.
    - #FLOOR\_ID (Mã tầng): Khoá ngoại liên kết với bảng FLOOR.
    - UPDATE\_AT (Cập nhật lúc): Thời gian cập nhật gần nhất của thông tin phòng.
  + Bảng POLICY
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho chính sách.
    - KEY (Tên Chính Sách): Tên hoặc mã của chính sách.
    - VALUE (Giá Trị Chính Sách): Giá trị tương ứng với chính sách.
    - UPDATED\_AT (Cập Nhật Lúc): Thời gian cập nhật gần nhất của chính sách.
  + Bảng STYLE
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho loại phòng.
    - BALLOT\_TYPE (Kiểu Phòng): Mô tả kiểu phòng.
  + Bảng BOOKING
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho đơn đặt phòng.
    - CHECK\_IN\_DATE (Ngày Check-in): Ngày khách hàng đến nhận phòng.
    - CHECK\_OUT\_DATE (Ngày Check-out): Ngày khách hàng trả phòng.
    - CHECK\_IN\_TIME (Giờ Check-in): Giờ khách hàng đến nhận phòng.
    - CUSTOMER\_STYLE (Loại khách hàng): Thông tin về loại khách hàng.
    - #USER\_ID (Mã người dùng): Khóa ngoại liên kết với bảng USER.
    - #PAYMENT\_METHOD\_ID (Phương Thức Thanh Toán): Khóa ngoại liên kết với bảng PAYMENT\_METHOD.
    - #STYLE\_ID (Mã Loại Phòng): Khóa ngoại liên kết với bảng STYLE.
    - CREATE\_AT (Ngày Tạo): Thời gian tạo đơn đặt phòng.
  + Bảng BOOKING\_DETAIL
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho chi tiết đặt phòng.
    - QUANTITY\_CUSTOMER (Số Lượng Khách): Số lượng khách trong đặt phòng.
    - TOTAL\_AMOUNT (Tổng Tiền): Tổng tiền cho chi tiết đặt phòng.
    - #BOOKING\_ID (Mã Đặt Phòng): Khóa ngoại liên kết với bảng BOOKING.
    - #ROOM\_ID (Mã Phòng): Khóa ngoại liên kết với bảng ROOM.
  + Bảng COMMENT
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho bình luận.
    - COMMENTS (Nội Dung Bình Luận): Nội dung mà khách hàng bình luận.
    - #USER\_ID (Mã Người Dùng): Khóa ngoại liên kết với bảng USER.
    - #ROOM\_ID (Mã Phòng): Khóa ngoại liên kết với bảng ROOM.
    - CREATE\_AT (Ngày tạo): Ngày khách hàng bình luận.
  + Bảng ROLE
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho vai trò.
    - POSITION (Tên Vai Trò): Tên vai trò.
    - DESCRIPTION (Mô tả): Mô tả vai trò.
  + Bảng ROLE\_USERS
    - #USER\_ID (Mã Người Dùng): Khóa ngoại liên kết với bảng USER.
    - #ROLE\_ID (Mã Vai Trò): Khóa ngoại liên kết với bảng ROLE.
  + Bảng PAYMENT\_METHOD
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho phương thức thanh toán.
    - NAME (Tên Phương Thức Thanh Toán): Tên của phương thức thanh toán.
  + Bảng FLOOR
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho tầng.
    - NUMBER\_FLOOR (Số Tầng): Số hiệu của tầng.
  + Bảng EVALUATION
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho đánh giá.
    - POINT (Điểm Số): Điểm đánh giá của khách hàng.
    - CREATE\_AT (Ngày Đánh Giá): Thời gian khách hàng thực hiện đánh giá.
    - #USER\_ID (Mã Người Dùng): Khóa ngoại liên kết với bảng USER.
    - #ROOM\_ID (Mã Phòng): Khóa ngoại liên kết với bảng ROOM.
  + Bảng USER
    - ID: Khóa chính, định danh duy nhất cho người dùng.
    - FULLNAME (Họ Tên): Họ tên đầy đủ của người dùng.
    - PHONE\_NUMBER (Số Điện Thoại): Số điện thoại của người dùng.
    - USERNAME (Tên Đăng Nhập): Tên đăng nhập của người dùng.
    - PASSWORD (Mật Khẩu): Mật khẩu đăng nhập.
    - EMAIL (Email): Địa chỉ email của người dùng.
    - ADDRESS (Địa Chỉ): Địa chỉ nơi cư trú của người dùng.
    - CITIZEN\_ID (CCCD): Số căn cước công dân.
    - CREATE\_AT (Ngày Tạo): Thời gian tạo tài khoản.

Bảng 2.1: Tên bảng 1

## Thiết kế giao diện và thiết kế xử lý

Thiết kế các giao diện chính và các thiết kế xử lý tương ứng từng màn hình.

### Danh sách các màn hình

Bảng 2.6.1. 1. Danh sách các màn hình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên màn hình | Ý nghĩa |
| 1 | Màn hình trang chủ | Giao diện trang chủ |
| 2 | Màn hình trang đăng ký | Giao diện đăng ký |
| 3 | Màn hình trang đăng nhập | Giao diện đăng nhập |
| 4 | Màn hình trang giỏ hàng | Quản lý các phòng muốn đặt |
| 5 | Màn hình trang thông tin phiếu đặt phòng online | Người dùng nhập thông tin để đặt phòng |
| 6 | Màn hình trang thống kê báo cáo | Người quản trị xem thống kê báo cáo |
| 7 | Màn hình trang thay đổi quy định | Người quản trị thay đổi các quy định |

#### Màn hình trang chủ

Bảng 2.6.1.1. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện trang chủ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Home\_click | Nhấn vào nút home | Chuyển đến trang chủ khi nhấn vào |
| 2 | Giohang\_click | Nhấn vào nút giỏ hàng | Chuyển đến trang giỏ hàng khi nhấn vào |
| 3 | User\_click | Nhấn vào nút user | Chuyển đến trang thông tin user khi nhấn vào |
| 4 | Dangnhap\_click | Nhấn vào nút đăng nhập | Chuyển đến trang đăng nhập khi nhấn vào |
| 5 | Dangky\_click | Nhấn vào nút đăng ký | Chuyển đến trang đăng ký khi nhấn vào |
| 6 | Datphong\_click | Nhấn vào nút đặt phòng | Thêm phòng đặt khi nhấn vào |
| 7 | Xemthongtin\_click | Nhấn vào nút xem thông tin | Chuyển đến trang xem thông tin chi tiết khi nhấn vào |

**A screenshot of a web page

Description automatically generated**

Hình 2.6.1.1. 1. Thiết kế giao diện trang chủ

#### Màn hình trang đăng ký

Bảng 2.6.1.2. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện đăng ký

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Fullname\_change | Nhận họ và tên | Tiến hàng ghi nhận họ và tên |
| 2 | Email\_change | Nhập email | Tiến hành ghi nhận email |
| 3 | Sdt\_change | Nhập số điện thoại | Tiến hành ghi nhận số điện thoại |
| 4 | Namelogin\_change | Nhận tên đăng nhập |
|  | Password\_change | Nhập mật khẩu | Tiến hành ghi nhận mật khẩu |
| 6 | Confirmpassword\_change | Nhập lại mật khẩu | Tiến hành xác nhận lại mật khẩu |
| 7 | Dangky\_click | Nhấn vào nút đăng ký | Tiến hành kiểm tra dữ liệu và ghi nhận thông tin đăng ký |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.2. 1. Thiết kế giao diện đăng ký

#### Màn hình trang đăng nhập

Bảng 2.6.1.3. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Namelogin\_change | Nhập tên đăng nhập | Tiến hành ghi nhận tên đăng nhập |
| 2 | Password\_change | Nhập mật khẩu | Tiến hành ghi nhận mật khẩu |
| 3 | Login\_click | Nhấn nút đăng nhập | Tiến hành kiểm tra tài khoản và cho người dùng đăng nhập thành công |
| 4 | Dangky\_login | Nhấn nút đăng ký | Chuyển đến trang đăng ký để đăng ký tài khoản |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.3. 1. Thiết kế giao diện đăng nhập

#### Màn hình trang giỏ hàng

Bảng 2.6.1.4. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện giỏ hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Xoa\_click | Nhấn nút xóa | Xóa phòng đã đặt ra khỏi giỏ hàng |
| 2 | Nhapthongtin\_click | Nhấn nút nhập thông tin | Chuyển sang trang nhập thông tin khi đặt phòng |
|  |  |  |  |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.4. 1. Thiết kế giao diện giỏ hàng

#### Màn hình trang thông tin phiếu đặt phòng online

Bảng 2.6.1.5. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện phiếu đặt phòng online

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Fullname\_change | Khi người dùng đã đăng nhập | Tiến hành ghi nhận tên khách hàng |
| 2 | Cacphongdat\_change | các phòng đã được đặt ở giỏ hàng | Tiến hành ghi nhận các phòng đã đặt |
| 3 | Ngaynhan\_change | Nhập ngày nhận phòng | Tiến hành ghi nhận ngày nhận phòng |
| 4 | Ngaytra\_change | Nhập ngày trả phòng | Tiến hành ghi nhận ngày trả phòng |
| 5 | loaiKH\_change | Nhập loại khách hàng | Tiến hành ghi nhận khách hàng |
| 6 | Cccd\_change | Nhập căn cước công dân | Tiến hành ghi nhận công cước công dân |
| 7 | Diachi\_change | Nhận địa chỉ | Tiến hành ghi nhận địa chỉ |
| 8 | Thanhtoan\_click | Nhấn nút thanh toán | Chuyển đến trang thanh toán |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.5. 1. Thiết kế giao diện phiếu đặt phòng online

#### Màn hình trang thống kê báo cáo

Bảng 2.6.1.6. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện thống kê báo cáo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Thanh\_click | Nhấn chọn tháng | Ghi nhận tháng được chọn |
| 2 | Nam\_click | Nhấn chọn năm | Ghi nhận năm được chọn |
| 3 | Xemthongke\_click | Nhấn để xem thống kê | Hiển thị các biểu đồ thống kê |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.6. 1. Thiết kế giao diện thống kê báo cáo

Bảng 2.6.1.6. 2. Thiết kế xử lý trên giao diện thống kê báo cáo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Thanh\_click | Nhấn chọn tháng | Ghi nhận tháng được chọn |
| 2 | Nam\_click | Nhấn chọn năm | Ghi nhận năm được chọn |
| 3 | Xemthongke\_click | Nhấn để xem thống kê | Hiển thị các biểu đồ thống kê |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.6. 2. Thiết kế giao diện thống kê báo cáo

#### Màn hình trang thay đổi quy định

Bảng 2.6.1.7. 1. Thiết kế xử lý trên giao diện thay đổi quy định

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên xử lý | Điều kiện gọi thực hiện | Ý nghĩa |
| 1 | Create\_click | Nhấn nút create | Dùng để tạo thêm dữ liệu |
| 2 | Export\_click | Nhấn nút export | Dùng để xuất ra file excel |
| 3 | Addfilter\_click | Nhấn nút add filter | Dùng để thêm một trường dữ liệu |
| 4 | Withselected\_click | Nhấn nút with selected | Dùng để xóa một dòng chỉ định |
| 5 | Search\_click | Nhấn nút search | Dùng để tìm kiếm một thuộc tính |

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.6.1.7. 1. Thiết kế giao diện thay đổi quy định

# HỆ THỐNG QUẢN LÍ KHÁCH SẠN

## Kết quả đạt được của đề tài

## Các chức năng hệ thống

### Đặt phòng online

A screenshot of a hotel management app

Description automatically generated

Hình 3.2.1. 1. Chức năng đặt phòng online

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.1. 2. Chức năng đặt phòng online

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.1. 3 Chức năng đặt phòng online

### Chức năng đăng nhập/đăng ký

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.2. 1. Chức năng đăng nhập và đăng ký

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.2. 2. Chức năng đăng nhập và đăng ký

### Chức năng xem thống kê



Hình 3.2.3. 1. Chức năng xem thống kê

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.3. 2. Chức năng xem thống kê

### Chức năng thay đổi quy định

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 3.2.4. 1. Chức năng thay đổi quy định